TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2024/HNGĐ - ST Ngày: 29 - 3 - 2024 V/v tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thành

Ông Nguyễn Thành Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Thường trú: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: 8/10/12, D5, chợ Đ, Ấp C, phường B, huyện T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Lê Hữu N, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Thường trú: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: 5 Õsakafuneyagawashi K - chõme 18 -ban 11 - 103 - gõ, Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2024, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Thu H trình bày:

Chị và anh N tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2016 ngày 04/5/2016. Thời gian đầu quan hệ vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó do cuộc sống khó khăn, anh N đi hợp tác lao động tại Nhật Bản. Đến năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không còn quan tâm đến

nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Lê Hữu N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo V, sinh ngày 12/7/2016, hiện cháu V đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, anh N sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

- Tại bản tự khai ngày 29/12/2023, bị đơn Lê Hữu N thống nhất với chị H về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H, cụ thể:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thu H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo V, sinh ngày 12/7/2016, hiện cháu V đang sống với chị H. Anh N đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu V, anh N sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Hữu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Hữu N và yêu cầu được nuôi con chung, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Hữu N có nơi cư trú tại tỉnh Tiền Giang, bị đơn Lê Hữu N

đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H về việc xin ly hôn với anh Lê Hữu N và được nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Hữu N kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2016 ngày 04/5/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Hữu N thống nhất trình bày: Sau khi kết hôn, thời gian đầu quan hệ vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Kể từ năm 2017, khi anh N đi Nhật Bản thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau và thiếu trách nhiệm với gia đình, không còn quan tâm đến nhau làm cho hôn nhân lầm vào tình trạng trầm trọng. Nay, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H và anh N thống nhất yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo V, sinh ngày 12/7/2016, hiện đang sống với chị H. Chị H và anh N thống nhất giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét việc thuận tình ly hôn và thống nhất việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con chung của chị H và anh Nghĩa l hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Ngọc Bảo V nên được Hội đồng xét xử công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Hữu N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 153; điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Lê Hữu N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Bảo V, sinh ngày 12/7/2016 cho chị Lê Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V trưởng thành, có khả năng lao động được. Cấp dưỡng lần đầu vào ngày 29/4/2024.

Anh Lê Hữu N được quyền thăm nom, giáo dục cháu V mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000122 ngày 17/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang. Chị H đã nộp xong án phí.

Anh Lê Hữu N phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Anh Lê Hữu N cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thơ